

Số: 20-2022/HM-CV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Hải Minh**

Mã chứng khoán: HMH

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Số 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3512 8668 Fax: (028)3512 8688

Người thực hiện công bố thông tin: Bà **Nguyễn Thị Bích Diệu**

Địa chỉ trụ sở chính: 28/50 Phan tây Hồ, Phường 7, Quận phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3512 8668 Fax: (028)3512 8688

Loại thông tin công bố: 24h 72h yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021.
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế của Báo cáo kiểm toán riêng trước qua sau kiểm toán, chênh lệch so với cùng kỳ.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Hải Minh vào ngày 29/03/2022 tại đường dẫn: www.haiminh.com.vn (mục Quan hệ cổ đông)

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây hoàn toàn đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Người công bố thông tin



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
HẢI MINH**

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Phó Chủ tịch		01/3/2021
Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên		
Ông Nguyễn Thế Quân	Ủy viên		
Ông Phạm Tiến Tịnh	Ủy viên		
Ông Trần Quang Tiến	Ủy viên	31/7/2021	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban		
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên		
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc		
Ông Đặng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc		

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Hưng, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THẾ HÙNG – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 40 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



A blue ink signature of Nguyễn Nam Anh.

NGUYỄN THỊ THƠM – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

NGUYỄN NAM ANH - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4218-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.533.438.901	101.845.292.351
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	61.642.966.364	47.339.530.224
1. Tiền	111		8.950.115.655	5.339.530.224
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.692.850.709	42.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	11.715.178.175	10.842.346.771
1. Chứng khoán kinh doanh	121		10.715.178.175	6.842.346.771
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.180.107.027	42.749.544.510
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	5.948.833.419	6.059.300.885
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	15.448.937.920	17.441.715.920
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9.782.335.688	19.248.527.705
IV. Hàng tồn kho	140		659.682.213	544.412.650
Hàng tồn kho	141	V.6	659.682.213	544.412.650
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		335.505.122	369.458.196
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	335.505.122	369.458.196
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.704.108.332	157.276.569.884
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		24.947.582.145	27.952.842.961
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	24.432.522.590	27.423.799.890
<i>Nguyên giá</i>	222		40.620.367.741	41.396.005.469
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.187.845.151)	(13.972.205.579)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	515.059.555	529.043.071
<i>Nguyên giá</i>	228		601.291.237	601.291.237
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(86.231.682)	(72.248.166)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		194.363.636	4.333.508.582
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	194.363.636	4.333.508.582
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		132.051.490.000	124.445.119.398
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	132.051.490.000	124.445.119.398
VI. Tài sản dài hạn khác	260		505.672.551	540.098.943
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	505.672.551	540.098.943
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		263.237.547.233	259.121.862.235

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		28.791.476.261	22.150.799.193
I. Nợ ngắn hạn	310		28.456.348.261	21.867.671.193
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	11.897.437.888	4.787.897.819
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	691.558.613	2.603.882.708
3. Phải trả người lao động	314		-	77.828.846
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	65.818.949	88.867.845
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15a	14.291.635.581	13.991.475.136
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	271.279.833	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1.238.617.397	317.718.839
II. Nợ dài hạn	330		335.128.000	283.128.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	335.128.000	283.128.000
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		234.446.070.972	236.971.063.042
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	234.446.070.972	236.971.063.042
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.394.588.700)	(4.394.588.700)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.614.442.869	6.614.442.869
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.333.762.532	96.858.754.602
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		81.512.621.757	76.901.637.519
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		12.821.140.775	19.957.117.083
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		263.237.547.233	259.121.862.235

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2022



NGUYỄN THẾ HƯNG
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	31.800.999.579	35.771.943.122
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.800.999.579	35.771.943.122
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	24.487.381.819	27.644.884.058
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.313.617.760	8.127.059.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.067.818.092	18.795.670.476
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.373.419.592	1.983.199.234
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	20.217.948
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.775.822.372	3.081.452.925
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.232.193.888	21.858.077.381
11. Thu nhập khác	31		713.523.665	214.562.018
12. Chi phí khác	32		45.485.084	10.454.374
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	668.038.581	204.107.644
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.900.232.469	22.062.185.025
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	2.079.091.694	2.105.067.942
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.821.140.775	19.957.117.083

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2022



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.900.232.469	22.062.185.025
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.746.321.950	2.732.321.632
- Các khoản dự phòng	03	VII	-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.548.720.864)	(15.522.223.217)
- Chi phí lãi vay	06		-	20.217.948
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.097.833.555	9.292.501.388
- Tăng các khoản phải thu	09		9.654.445.677	(6.680.565.917)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(118.907.648)	(423.640.868)
- Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.285.187.547	(1.250.368.796)
- Giảm chi phí trả trước	12		68.379.466	720.596.115
- Tăng chứng khoán kinh doanh	13		(3.872.831.404)	(390.213.869)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(20.217.948)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.650.160.831)	(1.026.177.469)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.577.587.287)	(1.625.407.497)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.886.359.075	(1.403.494.861)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(84.898.757)	(4.139.144.946)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	VII	5.194.743.410	1.465.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(29.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	29.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.606.370.602)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.784.016.819
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	6.755.589.914	12.980.802.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.259.063.965	16.090.674.348
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(12.841.986.900)	(1.637.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.841.986.900)	(1.637.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		14.303.436.140	14.685.541.687
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		47.339.530.224	32.653.988.537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	61.642.966.364	47.339.530.224

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2022

NGUYỄN THỊ HƯNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57-59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57-59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

từ Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 30 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND
- Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở chính

Địa chỉ : Tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 35128 668

Fax : (028) 35128 688

Mã số thuế : **0 3 0 2 5 2 5 1 6 2**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	96,79%	96,79%
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 38 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 43 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 thuộc kỳ kế toán năm thứ 20 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.
- Tại ngày Báo cáo tài chính riêng, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:
- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính riêng trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính riêng đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	43
Máy móc thiết bị	5
Phương tiện vận tải	5 - 15
Thiết bị văn phòng	5
Tài sản cố định khác	10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư đóng sà lan, chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí sửa chữa, chi phí kiểm định, phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí văn phòng, chi phí sửa chữa và chi phí khác đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm;

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	30.311.542	321.781.098
Tiền gửi ngân hàng	7.889.038.113	3.229.749.126
Tiền đang chuyển	1.030.766.000	1.788.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	52.692.850.709	42.000.000.000
Cộng	<u>61.642.966.364</u>	<u>47.339.530.224</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản: Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng có số tiền là 44.692.850.709 VND tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,2% đến 3,9%/năm (năm 2020: từ 3,9% đến 5,9%/năm), 5.000.000.000 VND tiền mua trái phiếu SVACH2124001 với số lượng: 50 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000 VND/ trái phiếu có ngày đáo hạn 23/03/2024 lãi suất 7,1%/năm, trái phiếu được chuyển giao quyền sở hữu ban đầu sau 30 ngày kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 3.000.000.000 VND tiền mua trái phiếu DVLCH2124001 với số lượng: 30 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000 VND / trái phiếu có ngày đáo hạn 20/9/2024 lãi suất 7,4%/năm, trái phiếu được chuyển giao quyền sở hữu ban đầu sau 30 ngày kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

a) Chứng khoán kinh doanh

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư mua cổ phiếu						
Ngân hàng TMCP Á châu	-	-	-	3.610.407.500	3.610.407.500	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	2.498.742.500	2.498.742.500	-
Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công (TCM)	-	-	-	98.771	98.771	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư LDG	762.995.000	762.995.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	2.705.684.425	2.320.000.000	-	-	-	-
Công ty CP Vận Tải Và Xếp Dỡ Hải An	1.372.055.000	1.356.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	3.389.100.750	2.844.040.500	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	1.447.789.000	1.447.789.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	1.037.554.000	1.000.000.000	-	-	-	-
Các mã chứng khoán khác	-	-	-	733.098.000	733.098.000	-
Cộng	10.715.178.175	9.730.824.500	-	6.842.346.771	6.842.346.771	-

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết trên thị trường được lấy theo giá đóng cửa trên sàn chứng khoán tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.000.000.000	1.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,6% năm (năm 2020: 4,9% đến 7,0%/năm).

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận Tài Hải Trường Thành	171.928.000	354.290.000
Công ty Cổ Phần SANGCHI	144.176.266	144.176.266
Công ty TNHH vận tải Kim Gia Phát	-	831.510.000
Công ty TNHH XNK DV kho bãi vận tải Thịnh Phát	1.061.605.700	541.309.567
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.	5.471.076	298.643.979
Công ty CP Tiếp Vận Phước Tạo	539.425.907	766.100.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Tiếp Vận Toàn Cầu	980.005.457	149.400.000
Khách hàng khác	3.046.221.013	2.973.871.073
Cộng	5.948.833.419	6.059.300.885

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty CP Dịch Vụ Nhịp Cầu Địa Ốc	15.448.937.920	17.441.715.920
Cộng	15.448.937.920	17.441.715.920

Cho Công ty CP Dịch vụ Nhịp Cầu Địa ốc vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2018 và gia hạn thêm đến ngày 21 tháng 11 năm 2022 kèm theo quyền mua căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngắn hạn	9.782.335.688	-	19.248.527.705	-
Lợi nhuận phải thu	1.733.917.789	-	3.429.023.208	-
+ Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	-	-	562.105.419	-
+ Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh	1.733.917.789	-	2.866.917.789	-
Công ty CP Dịch Vụ Nhịp Cầu Địa Ốc (lãi phải thu)	1.454.884.190	-	1.658.861.486	-
Công ty TNHH MTV XD Triều Dương	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty TNHH nhựa Phước Thành	-	-	2.000.000.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH TM DV Ô tô Tây Saigon	-	-	3.500.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Minh Minh	3.113.424.657	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.290.254.052	-	1.503.667.059	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	-	4.830.952	-
Tạm ứng nhân viên	108.855.000	-	71.145.000	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	81.000.000	-	5.081.000.000	-
b) Dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
Cộng	9.787.335.688	-	19.253.527.705	-
<i>Trong đó số dư phải thu khách hàng là các bên liên quan là:</i>				
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	-	-	562.105.419	-
Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh	1.733.917.789	-	2.866.917.789	-
Cộng	1.733.917.789	-	3.429.023.208	-
6. Hàng tồn kho				
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên nhiên liệu	605.862.213	-	400.318.650	-
Công cụ, dụng cụ	53.820.000	-	144.094.000	-
Cộng	659.682.213	-	544.412.650	-
7. Chi phí trả trước				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	335.505.122		369.458.196	
Chi phí sửa chữa	24.284.350	-	44.593.946	-
Chi phí kiểm định, phí bảo hiểm	210.794.695	-	222.751.362	-
Công cụ, dụng cụ	3.508.331	-	35.225.223	-
Chi phí khác	96.917.746	-	66.887.665	-
b) Chi phí trả trước dài hạn	505.672.551		540.098.943	
Chi phí văn phòng	63.771.736	-	93.640.586	-
Chi phí sửa chữa	384.948.105	-	334.835.011	-
Chi phí khác	56.952.710	-	111.623.346	-
Cộng	841.177.673	-	909.557.139	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	14.505.410.057	182.000.000	25.782.080.112	172.415.073	754.100.227	41.396.005.469
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	775.637.728	-	-	775.637.728
<i>Giảm do thanh lý</i>	-	-	775.637.728	-	-	775.637.728
Số cuối năm	14.505.410.057	182.000.000	25.006.442.384	172.415.073	754.100.227	40.620.367.741
Giá trị hao mòn lũy kế						-
Số đầu năm	1.742.898.058	81.966.657	11.503.613.041	172.415.073	471.312.750	13.972.205.579
Tăng trong năm	337.335.108	36.399.996	2.283.193.290	-	75.410.040	2.732.338.434
<i>Khấu hao trong năm</i>	337.335.108	36.399.996	2.283.193.290	-	75.410.040	2.732.338.434
Giảm trong năm	-	-	516.698.862	-	-	516.698.862
<i>Giảm do thanh lý</i>	-	-	516.698.862	-	-	516.698.862
Số cuối năm	2.080.233.166	118.366.653	13.270.107.469	172.415.073	546.722.790	16.187.845.151
Giá trị còn lại						-
Số đầu năm	12.762.511.999	100.033.343	14.278.467.071	-	282.787.477	27.423.799.890
Số cuối năm	12.425.176.891	63.633.347	11.736.334.915	-	207.377.437	24.432.522.590
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng						
Số đầu năm	-	-	923.763.636	172.415.073	-	1.096.178.709
Số cuối năm	-	-	923.763.636	172.415.073	-	1.096.178.709

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	601.291.237	601.291.237
Tăng trong kỳ	4.224.043.703	4.224.043.703
Giảm trong kỳ	4.224.043.703	4.224.043.703
<i>Chuyển nhượng</i>	<i>4.224.043.703</i>	<i>4.224.043.703</i>
Số cuối năm	601.291.237	601.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	72.248.166	72.248.166
Tăng trong kỳ	13.983.516	13.983.516
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối năm	86.231.682	86.231.682
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	529.043.071	529.043.071
Số cuối năm	515.059.555	515.059.555

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình bộ trụ cầu cố định Phú Quốc	194.363.636	194.363.636
Mua sắm tài sản cố định	-	4.139.144.946
Cộng	194.363.636	4.333.508.582

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào các công ty con	132.051.490.000	-	134.894.934.047	124.445.119.398	-	124.087.140.633
Cộng	132.051.490.000	-	134.894.934.047	124.445.119.398	-	124.087.140.633

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tên các công ty con	Số cuối năm					Số đầu năm				
	Chi phí đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị vốn gốc công ty sở hữu	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Chi phí đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị vốn gốc công ty sở hữu	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát (i)	44.510.290.000	96,79%	40.651.770.000	-	42.677.131.480	36.903.919.398	96,08%	33.045.399.398	-	34.171.122.010
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (ii)	45.961.200.000	100,00%	45.961.200.000	-	46.047.547.849	45.961.200.000	100,00%	45.961.200.000	-	46.116.947.657
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh (iii)	41.580.000.000	100,00%	41.580.000.000	-	46.170.254.718	41.580.000.000	100,00%	41.580.000.000	-	43.799.070.966
Cộng	132.051.490.000		128.192.970.000	-	134.894.934.047	124.445.119.398		120.586.599.398	-	124.087.140.633

(i) Đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát với giá trị vốn góp là 44.510.290.000 VND, chiếm tỷ lệ 96,79% vốn điều lệ, nắm giữ tỷ lệ quyền biểu quyết là 96,79% tại Công ty này. Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa. Trong kỳ, Công ty chưa ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty này (năm 2020: 3.018.187.789 VND).

(ii) Đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh với giá trị vốn góp là 45.961.200.000 VND, chiếm tỷ lệ 99,92% vốn điều lệ, nắm giữ tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty này là 100% do nắm giữ quyền biểu quyết gián tiếp là 0,08% tại Công ty thông qua khoản đầu tư của Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát vào Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh. Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa. Trong kỳ, Công ty chưa ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty này (năm 2020: 999.742.625 VND).

(iii) Đầu tư vào Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh với giá trị vốn góp là 41.580.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 99% vốn điều lệ, nắm giữ tỷ lệ quyền biểu quyết là 100% tại Công ty này do nắm giữ quyền biểu quyết gián tiếp là 1% tại Công ty thông qua khoản đầu tư của Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh vào Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh. Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa. Trong kỳ, Công ty chưa ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty này (năm 2020: 2.299.799.398 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
CN Công ty CP Đại Lý Hàng Hải Việt Nam - Đại Lý TM Và DV Hàng Hải (VITAMAS)	228.136.190	228.136.190	241.886.560	241.886.560
Công ty CP DV Hàng Hải Tân Cảng	234.189.891	234.189.891	300.471.444	300.471.444
Công Ty TNHH MTV Tổng Công Ty Tân Cảng Sài Gòn (SNP)	3.007.886.318	3.007.886.318	2.669.322.419	2.669.322.419
Samudera Shipping Line Ltd.	6.723.458.355	6.723.458.355	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	94.559.254	94.559.254	-	-
Các khách hàng khác	1.609.207.880	1.609.207.880	1.576.217.396	1.576.217.396
Cộng	11.897.437.888	11.897.437.888	4.787.897.819	4.787.897.819
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan:				
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	94.559.254	94.559.254	-	-
Cộng	94.559.254	94.559.254	-	-

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

d	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
	Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	304.930.473	818.436.228	1.070.141.158	53.225.543
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.105.067.942	2.079.091.694	3.650.160.831	533.998.805
	Thuế thu nhập cá nhân	16.747.793	887.077.404	898.316.447	5.508.750
	Thuế nhà thầu	177.136.500	1.159.326.298	1.237.637.283	98.825.515
	- Thuế TNDN	85.387.944	578.082.944	615.903.841	47.567.047
	- Thuế GTGT	91.748.556	581.243.354	621.733.442	51.258.468
	Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	Cộng	2.603.882.708	4.946.931.624	6.859.255.719	691.558.613
Trình bày số dư trên bảng cân đối kế toán:					
	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	-	-
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.603.882.708	-	-	691.558.613

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dịch vụ	65.818.949	88.867.845
Cộng	65.818.949	88.867.845

15. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	14.291.635.581	13.991.475.136
Kinh phí công đoàn	100.000	100.000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	47.125
Cổ tức phải trả	12.879.046.965	12.873.386.865
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.412.488.616	1.117.941.146
+ Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát	293.131.146	68.631.146
+ Phải trả khác	1.119.357.470	1.049.310.000
b) Phải trả dài hạn khác	335.128.000	283.128.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	335.128.000	283.128.000
Cộng	14.626.763.581	14.274.603.136

Trong đó số dư phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan là:

Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát	293.131.146	68.631.146
Cộng	293.131.146	68.631.146

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Công ty CP Chứng khoán An Bình (ABS)	271.279.833	-
Cộng (*)	271.279.833	-

(*) Khoản tiền ứng để mua bán chứng khoán

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ phúc lợi	247.481.987	1.665.657.233	(934.111.800)	979.027.420
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành	70.236.852	832.828.612	(643.475.487)	259.589.977
Cộng	317.718.839	2.498.485.845	(1.577.587.287)	1.238.617.397

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>						
Số đầu năm trước	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	(4.394.588.700)	91.287.704.145	231.400.012.585
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	19.957.117.083	19.957.117.083
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(12.847.647.000)	(12.847.647.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.768.717.000)	(1.768.717.000)
Tăng khác	-	-	-	-	265.958.854	265.958.854
Giảm khác	-	-	-	-	(35.661.480)	(35.661.480)
Số cuối năm trước	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	(4.394.588.700)	96.858.754.602	236.971.063.042
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>						
Số dư đầu năm nay	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	(4.394.588.700)	96.858.754.602	236.971.063.042
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	12.821.140.775	12.821.140.775
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(12.847.647.000)	(12.847.647.000)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	(2.498.485.845)	(2.498.485.845)
Số dư cuối năm nay	131.998.470.000	5.893.984.271	6.614.442.869	(4.394.588.700)	94.333.762.532	234.446.070.972

(*) Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận còn lại lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01-2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/7/2021. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT ngày 02/12/2021 Công ty quyết định chia cổ tức bằng tiền mặt, với tỷ lệ là 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng) và dự kiến chi vào tháng 01/2022.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>352.200</i>	<i>352.200</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.847.647	12.847.647
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.847.647</i>	<i>12.847.647</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng

Ngoại tệ các loại

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ	USD	11.148,20	37.728,54

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dịch vụ vận tải	14.225.238.828	19.129.667.914
Dịch vụ đại lý dầu (hàng hóa)	4.866.556.753	3.804.248.325
Dịch vụ đại lý container	11.248.132.188	11.217.990.750
Dịch vụ cho thuê văn phòng	1.461.071.810	1.620.036.133
Cộng	31.800.999.579	35.771.943.122

2. Giá vốn hàng bán

Dịch vụ vận tải	13.479.437.696	17.107.992.016
Dịch vụ đại lý dầu (hàng hóa)	4.645.129.305	3.596.145.238
Dịch vụ đại lý container	5.658.596.939	6.152.755.918
Dịch vụ cho thuê văn phòng	704.217.879	787.990.886
Cộng	24.487.381.819	27.644.884.058

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi đầu tư từ Công ty con	-	6.317.729.812
Lãi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	789.390.000	3.300.573.465
Lãi kinh doanh chứng khoán	6.008.926.198	3.543.537.160
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	4.067.117.199	5.553.727.117
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thanh toán	202.384.695	80.102.922
Cộng	11.067.818.092	18.795.670.476

4. Chi phí tài chính

Chi phí kinh doanh chứng khoán	1.297.311.809	1.883.226.147
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	76.107.783	79.755.139
Lãi margin chứng khoán	-	20.217.948
Cộng	1.373.419.592	1.983.199.234

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	1.673.708.505	1.948.691.802
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	66.300.000	68.250.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.101.485	42.916.031
Chi phí khấu hao	169.851.072	169.851.072
Thuế, phí và lệ phí	32.272.574	39.999.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	710.537.883	742.158.706
Chi phí bằng tiền khác	74.050.853	69.585.353
Cộng	2.775.822.372	3.081.452.925

6. Lợi nhuận khác

Thanh lý tài sản cố định	392.213.665	199.809.219
Chuyển nhượng quyền mua căn hộ 24-11	300.000.000	-
Thu khác	21.310.000	14.752.799
Thu nhập khác	713.523.665	214.562.018
Nộp phạt thuế	-	10.454.374
Chi khác	45.485.084	-
Chi phí khác	45.485.084	10.454.374
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	668.038.581	204.107.644

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.900.232.469	22.062.185.025
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(49.577.516)	(7.025.985.438)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	424.484	10.454.374
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(50.002.000)	(7.036.439.812)
Tổng thu nhập chịu thuế	14.850.654.953	15.036.199.587
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự kiến phải nộp	2.970.130.991	3.007.239.917
Thuế TNDN giảm 30%	(891.039.297)	(902.171.975)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.079.091.694	2.105.067.942

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2021 Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính Phủ, quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Quốc hội.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	3.243.866.918	4.074.502.351
Chi phí nhân viên	7.776.271.945	8.801.953.797
Chi phí khấu hao	2.746.321.950	2.732.321.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.333.462.135	14.856.084.766
Chi phí bằng tiền khác	163.281.243	261.474.437
Cộng	27.263.204.191	30.726.336.983

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập đầu tư tại Công ty con giữ lại tăng vốn	-	2.299.799.398
Xử lý nợ xấu đã dự phòng năm trước không ảnh hưởng đến KQKD trong năm nay	-	1.972.000.000
Thanh lý tài sản trong năm chưa thu	68.181.818	84.090.909
Cổ tức phải trả	12.847.647.000	12.847.647.000
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay dự thu	1.454.884.190	1.658.861.486

Các giao dịch bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay năm trước đã thu trong năm nay	1.658.861.486	59.221.918
Thanh lý tài sản năm trước, thu trong năm nay	84.090.909	-
Cổ tức năm trước đã chi trả năm nay	12.841.986.900	1.637.800

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Hải Minh	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>		
Chia tiền thưởng, quỹ phúc lợi	224.500.000	-
Lợi nhuận được chia	-	2.299.799.398

<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh</i>		
Chia tiền thưởng, quỹ phúc lợi	139.997.000	-
Chi phí dịch vụ đã sử dụng	191.893.637	182.390.911
Chi hộ cổ tức	308.197.400	-
Lợi nhuận được chia	-	999.742.625

<i>Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh</i>		
Chia tiền thưởng, quỹ phúc lợi	133.000.000	-
Lợi nhuận được chia	-	3.018.187.789

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>		
Phải trả khác	293.131.146	68.631.146

<i>Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh</i>		
Phải thu khác	-	562.105.419
Phải trả mua hàng hóa	94.559.254	-

<i>Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh</i>		
Phải thu khác	1.733.917.789	2.866.917.789

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	791.000.000	798.600.000
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	112.000.000	330.000.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên HĐQT	72.000.000	70.000.000
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT	72.000.000	70.000.000
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên HĐQT	72.000.000	70.000.000
Bà Nguyễn Mỹ Hải	Nguyên Trưởng Ban Kiểm soát	-	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	48.000.000	24.000.000
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên Ban KS	36.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng giám đốc	575.000.000	593.775.000
Ông Đặng Ngọc Hùng	Phó tổng giám đốc	461.900.000	470.675.000
Cộng		2.239.900.000	2.481.050.000

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.642.966.364	61.642.966.364	47.339.530.224	47.339.530.224
Chứng khoán kinh doanh	10.715.178.175	10.715.178.175	6.842.346.771	6.842.346.771
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu của khách hàng	5.948.833.419	5.948.833.419	6.059.300.885	6.059.300.885
Phải thu khác	9.678.480.688	9.678.480.688	19.177.551.753	19.177.551.753
Cộng	88.985.458.646	88.985.458.646	83.418.729.633	83.418.729.633

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	11.897.437.888	11.897.437.888	4.787.897.819	4.787.897.819
Chi phí phải trả	65.818.949	65.818.949	88.867.845	88.867.845
Các khoản phải trả khác	14.626.663.581	14.626.663.581	14.274.456.011	14.274.456.011
Vay và nợ thuê tài chính	271.279.833	271.279.833	-	-
Cộng	26.861.200.251	26.861.200.251	19.151.221.675	19.151.221.675

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.10.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính riêng, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể do tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,...

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng là không đáng kể do khoản đầu tư mua cổ phiếu có giá trị nhỏ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng ...)

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công cụ nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.642.966.364	-	-	61.642.966.364
Chứng khoán kinh doanh	10.715.178.175	-	-	10.715.178.175
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải thu của khách hàng	5.948.833.419	-	-	5.948.833.419
Phải thu khác	9.673.480.688	5.000.000	-	9.678.480.688
Cộng	88.980.458.646	5.000.000	-	88.985.458.646
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	11.897.437.888	-	-	11.897.437.888
Chi phí phải trả	65.818.949	-	-	65.818.949
Phải trả khác	14.291.535.581	335.128.000	-	14.626.663.581
Vay và nợ thuê tài chính	271.279.833	-	-	271.279.833
Cộng	26.526.072.251	335.128.000	-	26.861.200.251
Chênh lệch thanh khoản thuần	62.454.386.395	(330.128.000)	-	62.124.258.395
Đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.339.530.224	-	-	47.339.530.224
Chứng khoán kinh doanh	6.842.346.771	-	-	6.842.346.771
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Phải thu của khách hàng	6.059.300.885	-	-	6.059.300.885
Phải thu khác	19.172.551.753	5.000.000	-	19.177.551.753
Cộng	83.413.729.633	5.000.000	-	83.418.729.633
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	4.787.897.819	-	-	4.787.897.819
Chi phí phải trả	88.867.845	-	-	88.867.845
Phải trả khác	13.991.328.011	283.128.000	-	14.274.456.011
Cộng	18.868.093.675	283.128.000	-	19.151.221.675
Chênh lệch thanh khoản thuần	64.545.635.958	(278.128.000)	-	64.267.507.958

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022



NGUYỄN THẾ HUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

